

Phụ lục II

DANH MỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

CÁC GÓI THẦU: MUA THUỐC GENERIC; GÓI THẦU MUA THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ KẾT HỢP DƯỢC CHẤT VỚI CÁC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỎ TRUYỀN, DỰ TOÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH NĂM 2024 – 2025 CỦA BỆNH VIỆN TÂM THẦN TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. Gói thầu mua thuốc Generic

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền	Tùy chọn mua thêm tối đa (tối đa 30%)	
										Số lượng	Thành tiền
1	Diazepam	1	5mg	Uống	Viên	Viên	30.000	1.260	37.800.000	9.000	11.340.000
2	Midazolam	1	5mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/chai/lọ	600	20.496	12.297.600	180	3.689.280
3	Magnesi aspartat + kali aspartat	1	140mg + 158mg	Uống	Viên	Viên	1.500	1.800	2.700.000	450	810.000
4	Risperidon	2	1mg	Uống	Viên	Viên	150.000	1.050	157.500.000	45.000	47.250.000
5	Olanzapin	2	5mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	80.000	1.490	119.200.000	24.000	35.760.000
6	Clorpromazin hydroclorid	2	25mg	Uống	Viên	Viên	135.500	210	28.455.000	40.650	8.536.500
7	Phenobarbital	2	100mg	Uống	Viên	Viên	450.000	315	141.750.000	135.000	42.525.000
8	Quetiapin	2	50mg	Uống	Viên	Viên	20.000	5.950	119.000.000	6.000	35.700.000
9	Levetiracetam	2	500mg	Uống	Viên	Viên	15.000	4.270	64.050.000	4.500	19.215.000
10	Fluoxetin	2	20mg	Uống	Viên	Viên	32.000	1.200	38.400.000	9.600	11.520.000
11	Levomepromazin	2	25mg	Uống	Viên	Viên	145.000	1.200	174.000.000	43.500	52.200.000
12	Amitriptylin	2	25mg	Uống	Viên	Viên	103.000	950	97.850.000	30.900	29.355.000
13	Amoxicilin + Acid Clavulanic	2	875mg + 125mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	2.000	12.100	24.200.000	600	7.260.000
14	Trihexyphenidyl hydroclorid	2	2mg	Uống	Viên	Viên	15.000	300	4.500.000	4.500	1.350.000
15	Piracetam	2	400mg	Uống	Viên	Viên	60.000	1.000	60.000.000	18.000	18.000.000
16	Olanzapin	3	10mg	Uống	Viên	Viên	300.000	2.310	693.000.000	90.000	207.900.000
17	Diazepam	4	10mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/chai/lọ	600	5.250	3.150.000	180	945.000
18	Perindopril	4	4mg	Uống	Viên nang	Viên	2.500	2.000	5.000.000	750	1.500.000
19	Natri Valproate	4	57,64mg/ml x 150ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Bình/chai/lọ	275	80.000	22.000.000	83	6.640.000

20	Valproat natri	4	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên ²	100.000	2.499	249.900.000	30.000	74.970.000
21	Carbamazepin	4	200mg	Uống	Viên	Viên	18.000	928	16.704.000	5.400	5.011.200
22	Phenytoin	4	100mg	Uống	Viên	Viên	72.000	290	20.880.000	21.600	6.264.000
23	Valproat natri	4	200mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	420.000	1.260	529.200.000	126.000	158.760.000
24	Haloperidol	4	5mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/chai/lọ	1.500	2.100	3.150.000	450	945.000
25	Haloperidol	4	1,5mg	Uống	Viên	Viên	510.000	105	53.550.000	153.000	16.065.000
26	Clozapin	4	25mg	Uống	Viên	Viên	9.000	1.890	17.010.000	2.700	5.103.000
27	Paroxetin	4	30mg	Uống	Viên	Viên	8.400	5.800	48.720.000	2.520	14.616.000
28	Sulpirid	4	100mg	Uống	Viên	Viên	20.000	441	8.820.000	6.000	2.646.000
29	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	4	400mg + 400mg + 40mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói/chai/lọ/túi	500	2.120	1.060.000	150	318.000
30	Vitamin B1	4	250mg	Uống	Viên	Viên	10.000	283	2.830.000	3.000	849.000
31	Vitamin B6 + magnesi lactat	4	5mg + 470mg	Uống	Viên	Viên	25.000	126	3.150.000	7.500	945.000
32	Vitamin B1 + B6 + B12	4	100mg + 50mg + 0,5mg	Uống	Viên nang	Viên	120.000	1.150	138.000.000	36.000	41.400.000
33	Glucose	4	10% - 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Bình/chai/lọ/ống/túi	100	12.000	1.200.000	30	360.000
34	Glucose	4	5%-500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Bình/chai/lọ/ống/túi	250	8.400	2.100.000	75	630.000
35	Natri clorid	4	0,9%/500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Bình/chai/lọ/ống/túi	200	7.875	1.575.000	60	472.500
36	Ringer lactae	4	500 ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Bình/chai/lọ/ống/túi	300	8.400	2.520.000	90	756.000
Tổng cộng: 36 khoản									2.905.221.600		871.606.480

II. Gói thầu mua thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu thuốc cổ truyền

STT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng 2024	Giá Kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền	Tùy chọn mua thêm tối đa (tối đa 30%)	
										Số lượng	Thành tiền
1	Diệp hạ châu/ Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực.	Nhóm 3		Uống	Viên nang	Viên	70.000	1.945	136.150.000	21.000	40.845.000
Tổng cộng: 01 khoản									136.150.000		40.845.000